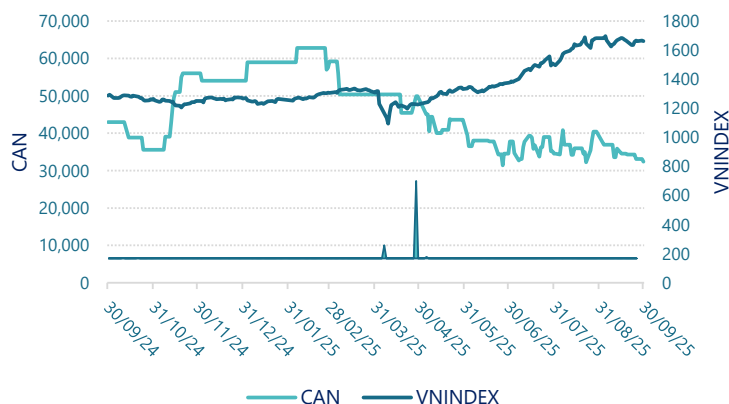


CTCP Đồ hộp Hạ Long (HNX: CAN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	32,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	62,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	31,400
SL cổ phiếu LH	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	930
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	162
P/E	8.6
EPS	3,755

DT thuần

Q3/25

170

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.0 | 8.1%

YoY: ▼ 28.0 | -14.3%

LN sau thuế

Q3/25

7.64

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.47 | 83.3%

YoY: ▲ 5.61 | 277%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

6.2%

+/- YoY: ▲ 4.5%

DT thuần

9T 2025

471

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 56.0 | -10.7%

LN sau thuế

9T 2025

11.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.2 | 296%

ROE

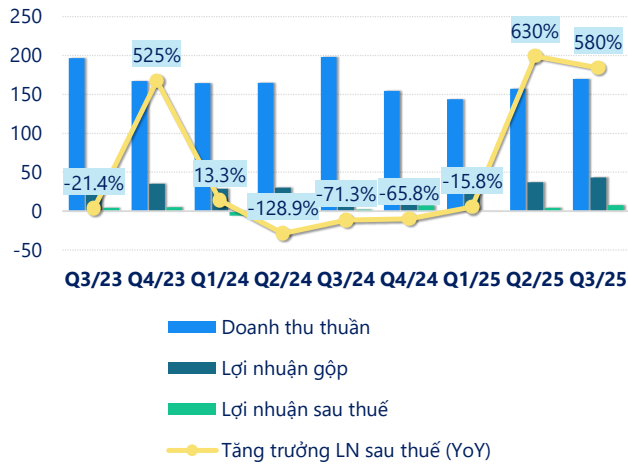
Q3/25

12.7%

+/- YoY: ▲ 13.2%

tỷ VNĐ

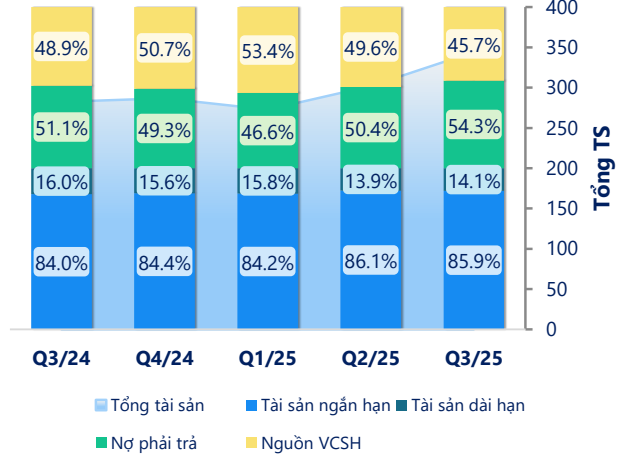
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

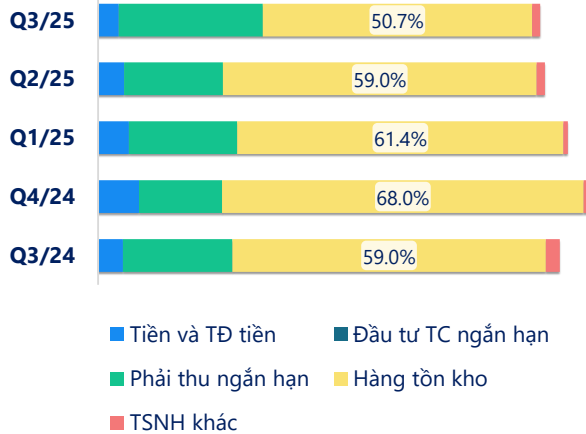
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



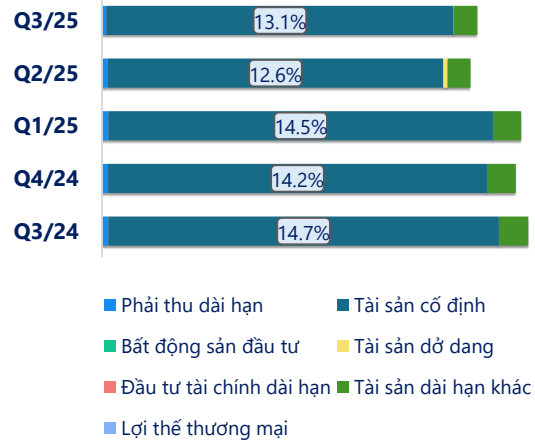
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

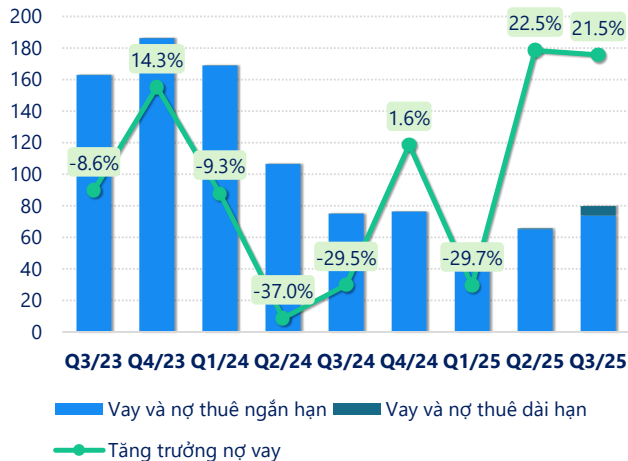
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

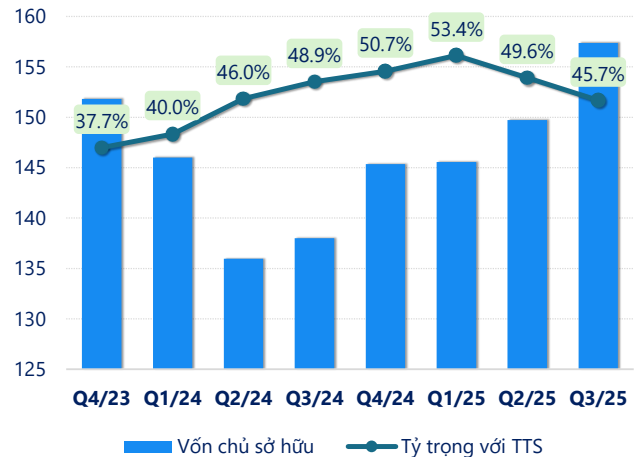
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

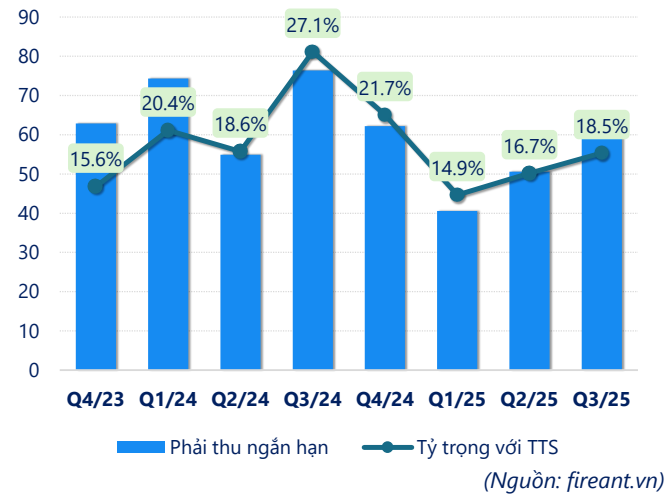
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

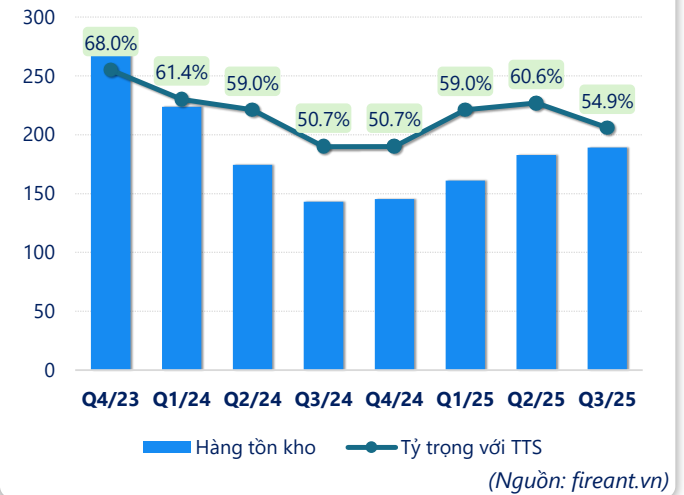


(Nguồn: fireant.vn)

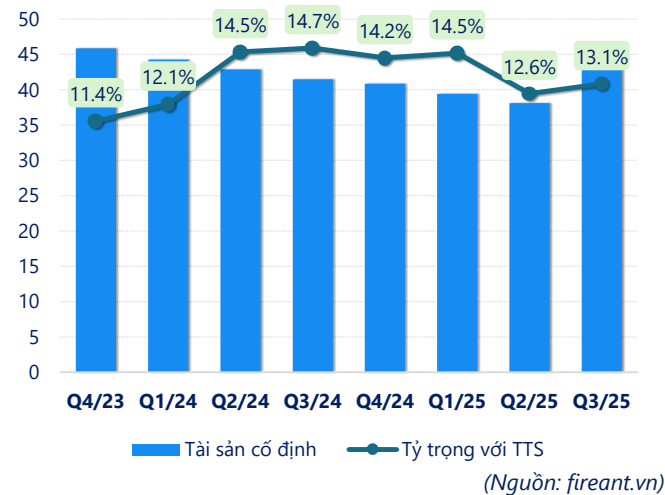
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


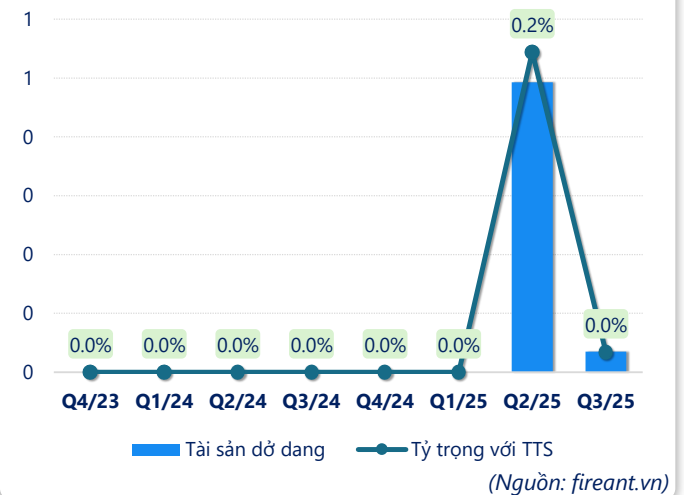
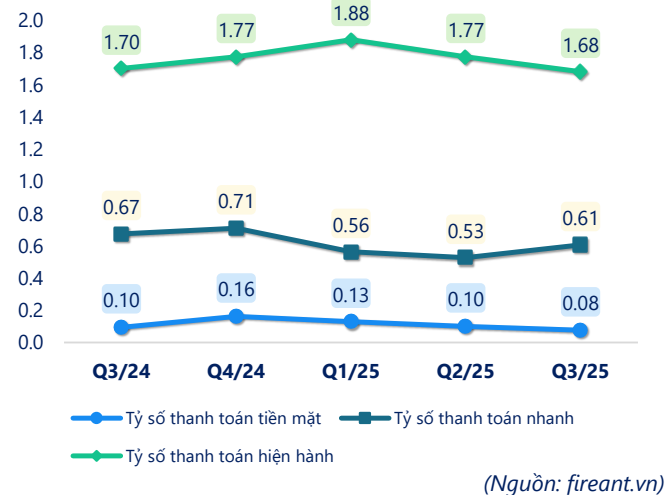
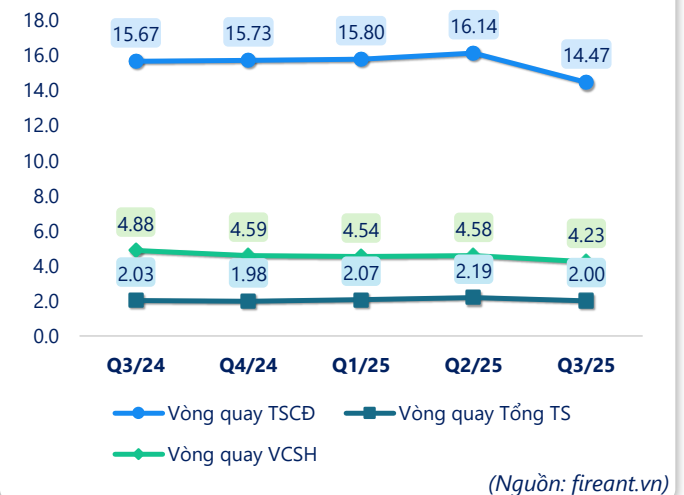
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	282	287	273	302	344
Tài sản ngắn hạn	237	242	230	260	296
Tiền và tương đương tiền	13.3	22.1	15.8	14.8	13.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	7.50	7.50	7.50	23.1
Phải thu ngắn hạn	76.4	62.2	40.6	50.6	63.5
Hàng tồn kho	143	145	161	183	189
Tài sản ngắn hạn khác	4.36	5.07	4.91	4.42	6.53
Tài sản dài hạn	45.3	44.7	43.0	41.9	48.6
Phải thu dài hạn	0.67	0.67	0.67	0.65	0.55
Tài sản cố định	41.5	40.9	39.4	38.1	45.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.49	0.04
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.13	3.12	2.90	2.61	3.03
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	144	142	127	152	187
Nợ ngắn hạn	139	137	122	147	176
Vay và nợ thuê ngắn hạn	75.0	76.2	53.6	65.0	73.8
Phải trả người bán ngắn hạn	25.8	34.9	46.7	48.9	56.8
Nợ dài hạn	4.97	4.98	5.01	5.68	11.1
Vay và nợ thuê dài hạn	0.16	0.13	0.10	0.71	6.06
Nguồn vốn chủ sở hữu	138	145	146	150	157
Vốn chủ sở hữu	138	145	146	150	157
Vốn điều lệ	50.0	50.0	50.0	50.0	50.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)